TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15/12/2025
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Văn Sắc**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - An Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/10/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu T** – sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Lư Xuân V** – sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Tôi và anh Lư Xuân V chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 6 tháng mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh V cờ bạc, vợ chồng mâu thuẫn với nhau về kinh tế, vợ chồng thường cự cãi nhau, anh V nhiều lần có những lời lẽ xúc phạm tôi và gia đình cha mẹ tôi, tôi đã khuyên nhiều lần nhưng anh V vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và vợ chồng không sống chung từ tháng 2 năm 2025 cho đến nay.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lư Nguyễn Xuân V1, sinh ngày 28/8/2013 và Lư Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/8/2023, các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống với tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lư Xuân V.

- *Về con chung:* chị T yêu cầu được nuôi cháu V1 và cháu N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Đối với bị đơn anh Lư Xuân V, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lư Xuân V. Về quan hệ con chung: giao cháu V1 và cháu N cho chị T nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lư Xuân V với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh V vắng mặt. Xét thấy anh V đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh V vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng), giấy chứng nhận kết hôn số 94/2014 quyển số 01/2024 ngày 12/10/2014 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh V cờ bạc, vợ chồng mâu thuẫn với nhau về kinh tế, vợ chồng thường cự cãi nhau, anh V nhiều lần có những lời lẽ xúc phạm chị T và cha mẹ chị T, chị T đã khuyên nhiều lần nhưng anh V vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 2 năm 2025 cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng anh V không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V và anh V cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*". Xét thấy thực tế giữa chị T và anh V không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không còn tình cảm, không sống chung với nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T.

[4] Về quan hệ con chung: chị T xác nhận chị và anh V có 02 người con chung là cháu Lư Nguyễn Xuân V1, sinh ngày 28/8/2013 và cháu Lư Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/8/2023, các cháu hiện đang sống với chị T. Tại phiên toà chị T xin được nuôi cháu V1 và cháu N, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với*

con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh V không sống chung với nhau thì cháu V1 và cháu N sống với chị T và anh V không có ý kiến gì về việc chị T xin nuôi cháu V1 và cháu N, nguyện vọng của cháu V1 là được sống với chị T, chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Lư Nguyễn Xuân V1, sinh ngày 28/8/2013 và cháu Lư Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/8/2023 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh V không cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác nhận chị và anh V không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí HNST: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lư Xuân V.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lư Nguyễn Xuân V1, sinh ngày 28/8/2013 và cháu Lư Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 19/8/2023 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Anh Lư Xuân V không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0016440 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND khu vực 3; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- THADS tỉnh An Giang;

- TAND tỉnh An Giang;

- UBND xã Tân Hải, tỉnh Lâm Đồng;

- Các đương sự;

- Lưu HS.

Trần Thị Ngọc Ái